

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KÔNG CHRO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **261** /QĐ-UBND

Kông Chro, ngày **12** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, diễn tập huyện Kông Chro.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số: 21/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành đơn giá đền bù cây cối, hoa màu trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành giá nhà xây dựng mới, bảng giá vật kiến trúc xây dựng mới trên đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc ban hành Bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Kông Chro năm 2015 (áp dụng trong giai đoạn 2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Kông Chro;

Căn cứ Công văn số 3354/UBND-NL ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Gia Lai về việc thống nhất vị trí, diện tích đất để xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, diễn tập cho các huyện Chư Păh, Kông Chro, Krông Pa, Ia Pa, Đak Đoa, Đak Pơ và thị xã Ayun Pa;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 95/TTr-PTNMT ngày 06/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, diễn tập huyện Kông Chro, với các nội dung sau:

1. Tên phương án: Đền bù, giải phóng mặt bằng.

Hạng mục: Bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện, diễn tập huyện Kông Chro.

2. Địa điểm thực hiện: Xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

3. Đơn vị thực hiện: Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện.

4. Quy mô thực hiện: Bồi thường hỗ trợ về cây cối hoa màu, vật kiến trúc trong phạm vi giải phóng mặt bằng của 07 hộ dân.

4.1. Về đất: Thu hồi 63.565,6 m² đất (trong đó: 41.824,9 m² đất trồng cây hàng năm; 21.740,7 m² đất trồng cây lâu năm) của 07 hộ dân. Người dân tự nguyện hiến đất với diện tích 42.100 m² (Trong đó hiến: 27.100 m² đất trồng cây hàng năm; 15.000 m² đất trồng cây lâu năm).

4.2. Về tài sản trên đất: Có bảng chi tiết kèm theo.

5. Tổng kinh phí thực hiện Phương án (lấy tròn): 535.936.800 đồng.

(Bằng chữ: Năm trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường về đất: 143.518.500 đồng;
- Chi phí bồi thường về vật kiến trúc, hoa màu trên đất 23.113.522 đồng;
- Chi phí hỗ trợ: 358.796.250 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ (2%): 10.508.565 đồng.

6. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách huyện

7. Thời gian thực hiện phương án: Năm 2018

(Có bảng chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo)

Điều 2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đăk Kơ Ning niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND Đăk Kơ Ning và gửi đến các hộ dân biết để thực hiện.

Giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Chủ tịch UBND Đăk Kơ Ning, các hộ dân tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (B/cáo);
- Đ/c Ân - PCT UBND huyện;
- Lưu VT-UB





**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG
TRƯỜNG BÀN, THAO TRƯỜNG HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP HUYỆN KÔNG CHRO.**

(Kèm theo Quyết định số: 261 /QĐ-UBND ngày 12/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Số TT	Họ và tên, địa chỉ	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT						BỒI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT						CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ						Căn cứ pháp lý	Tổng cộng tiền (đồng)	Ghi chú
		Loại đất	Vị trí	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (đồng)	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số áp dụng	Thành tiền (đồng)	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Chính sách hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			
01	02	03	04	05	06	07	08=5*6*7	09	10	11	12	13	14=11*12*13	15	16	17	18	19	20=17*18*19	21	22=8+14+20	23
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ						136.429.600						23.113.522						341.074.000		500.617.122	
1.1	Đinh Văn Làng H'Tiền, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây lâu năm	2	4.779,8	6.000	1,00	28.678.800													Bảng 6, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	28.678.800	Thu hồi 16.279 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 11.500 m ²
								Keo mới trồng 01 năm (keo lai)	ha	0,850	23.436.000	1	19.925.521,6							Mục 93, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	19.925.522	
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	4.779,8	6.000	2,5	71.697.000	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	71.697.000	
Công 1.1				4.779,8			28.678.800						19.925.521,6						71.697.000		120.301.322	
1.2	Đinh Bơch Làng H'Tiền, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây hàng năm	2	1.032,3	7.000	1,00	7.226.100													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	7.226.100	Thu hồi 5.132,3 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 4.100 m ²
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	1.032,3	7.000	2,5	18.065.250	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	18.065.250	
		Công 1.2				1.032,3			7.226.100											18.065.250		25.291.350
		Đất trồng cây hàng năm	2	3.168,8	7.000	1,00	22.181.600													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	22.181.600	Thu hồi 8.668,8 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 5.500 m ²

Số TT	Họ và tên, địa chỉ	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT						BỒI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT					CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ						Căn cứ pháp lý	Tổng cộng tiền (đồng)	Ghi chú	
		Loại đất	Vị trí	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá	Thành tiền (đồng)	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số áp dụng	Thành tiền (đồng)	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Chính sách hỗ trợ				Thành tiền (đồng)
01	02	03	04	05	06	07	08=5*6*7	09	10	11	12	13	14=11*12*13	15	16	17	18	19	20=17*18*19	21	22=8+14+20	23
1.3	Đinh Nuát Làng H'Tiên, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro							Điều đang thu hoạch tốt	cây	1	408.000	1	408.000,0							Mục 8, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	408.000	
								Xoài kinh doanh 1 - 5 năm (giống thực sinh)	cây	4,0	645.000	1	2.580.000,0							Mục 24, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	2.580.000	
								Bụi Chuối có từ 8 cây trở lên	bụi	2,0	100.000	1	200.000,0							Mục 32, QĐ 342/QĐ-UBND ngày 26/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai	200.000	
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	3.168,8	7.000	2,5	55.454.000	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	55.454.000	
Cộng 1.3				3.168,8			22.181.600						3.188.000						55.454.000		80.823.600	
1.4	Đinh Thị Piênh Làng H'Tiên, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây hàng năm	2	2.756,2	7.000	1,00	19.293.400													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	19.293.400	Thu hồi 11.956,2 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 9.200 m ²
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	2.756,2	7.000	2,5	48.233.500	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	48.233.500	
Cộng 1.4				2.756,2			19.293.400												48.233.500		67.526.900	
1.5	Đinh Ber Làng H'Tiên, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây hàng năm	2	4.550,8	7.000	1,00	31.855.600													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	31.855.600	Thu hồi 8.550,8 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 4.000 m ²
		Đất trồng cây lâu năm	2	1.960,9	6.000	1,00	11.765.400													Bảng 6, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	11.765.400	Thu hồi 5.460,9 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 3.500 m ²
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	4.550,8	7.000	2,5	79.639.000	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	79.639.000	
														m ²	1.960,9	6.000	2,5	29.413.500		29.413.500		
Cộng 1.5				6.512			43.621.000												109.052.500		152.673.500	

Số TT	Họ và tên, địa chỉ	BÔI THƯỜNG VỀ ĐẤT						BÔI THƯỜNG VỀ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT						CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ						Căn cứ pháp lý	Tổng cộng tiền (đồng)	Ghi chú
		Loại đất	Vị trí	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Đơn giá (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh giá đất	Thành tiền (đồng)	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số áp dụng	Thành tiền (đồng)	Loại đất, hạng mục hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Chính sách hỗ trợ	Thành tiền (đồng)			
01	02	03	04	05	06	07	08=5*6*7	09	10	11	12	13	14=11*12*13	15	16	17	18	19	20=17*18*19	21	22=8+14+20	23
1.6	Đinh Ploch Làng H'Tiền, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây hàng năm	2	2.204,1	7.000	1,00	15.428.700													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	15.428.700	Thu hồi 4.704,1 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 2.500 m ²
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	2.204,1	7.000	2,5	38.571.750	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	38.571.750	
Cộng 1.6				2.204,1			15.428.700												38.571.750		54.000.450	
1.7	Đinh Thị Đuênh Làng H'Tiền, xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro	Đất trồng cây hàng năm	2	1.012,7	7.000	1,00	7.088.900													Bảng 8, QĐ 37/2014/QĐ-UBND ngày 30/12/2014; QĐ 165/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND huyện Kông Chro	7.088.900	Thu hồi 2.812,7 m ² ; hộ gia đình tự nguyện hiến đất 1.800 m ²
														Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	m ²	1.012,7	7.000	2,5	17.722.250	Điều 18, QĐ 09/2018/QĐ-UBND ngày 21/3/2018 của UBND tỉnh Gia Lai	17.722.250	
Cộng 1.7				1.012,7			7.088.900												17.722.250		24.811.150	
Cộng (1.1: 1.7)				21.465,6			143.518.500						23.113.522						358.796.250	0	525.428.272	
II	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất (2%)																				10.508.565	
Tổng cộng (I+II)																					535.936.837	
Lấy tròn																					535.937.000	